TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32 /2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Ông H.X.H, sinh năm 1954, Địa chỉ thường trú: B19 Nhà B, Tập thể T.Đ.H.T.H, phường T, quận T, Thành phố H (Nhà 1 ngách 8 ngõ 160 phố L. T. V, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội).

Bà T.X.Đ.H, sinh năm 1956, Địa chỉ thường trú: B19 Nhà B, Tập thể T.Đ.H.T.H, phường T, quận T, Thành phố H (Nhà 1 ngách 8 ngõ 160 phố L. T. V, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, Thành phố H ngày 18/03/1993.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách sống không còn phù hợp. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng ly thân đã lâu. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, ông bà cùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H có 02 con chung là H.X.H.Đ, sinh ngày 17/12/1988 và H.X.T.A, sinh ngày 04/10/1993. Các con chung của ông bà đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H là người cao tuổi, đã có đề nghị miễn án phí nên căn cứ theo Điều 12 Nghị Quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông bà.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H.

- Về con chung: Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H có 02 con chung là H.X.H.Đ, sinh ngày 17/12/1988 và H.X.T.A, sinh ngày 04/10/1993. Các con chung của ông bà đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H đã tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông H.X.H và bà T.X.Đ.H là người cao tuổi, đã có đề nghị miễn án phí nên căn cứ theo Điều 12 Nghị Quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông bà.

Hoàn trả lại 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012814 ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My